

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2026/HNGĐ-ST.
Ngày 20 - 4 - 2026.
V/v “*Kiến xin ly hôn, chia tài sản chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huệ và bà Trần Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Ngân - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2025, về tranh chấp “*Kiến xin ly hôn, chia tài sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2026/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2026/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2026 và Thông báo thời gian, địa điểm mở phiên tòa số 01/TB-TA ngày 30 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Đỗ Thị P, sinh ngày 31/10/1963; số căn cước công dân: 035163001421, cấp ngày 31/12/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH; địa chỉ: Số 9/306 THĐ, tổ 7D, phường PL, tỉnh Ninh Bình.

* **Bị đơn:** Ông Hoàng Mộng S, sinh ngày 13/3/1963; số căn cước công dân: 035063009486, cấp ngày 09/8/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH; nơi ĐKNKTT: Số 9/306 THĐ, tổ 7D, phường PL, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ: Khu 13, CN, xã LT, tỉnh Phú Thọ.

(Phiên tòa có mặt bà P, ông S).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, các bản tự khai của các đương sự, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết, xét xử thì nội dung vụ án như sau:

[1] Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị P và ông Hoàng Mộng S kết hôn vào ngày 08/12/1997 tại Ủy ban nhân dân phường Minh Khai, thị xã Phủ Lý, tỉnh Hà Nam (nay là phường Phủ Lý, tỉnh Ninh Bình). Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với gia đình bố mẹ ông S một thời gian ngắn sau đó vợ chồng thuê nhà ở riêng. Khoảng thời gian đó ông S đi công tác xa ở Bắc Giang rất ít khi về nhà. Vợ chồng sống với nhau không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm sống nên không có tiếng nói chung. Mặc dù vợ chồng không cãi nhau to tiếng,

không xảy ra xô sát nhưng tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, tình trạng trên kéo dài và không giải tỏa được khiến cuộc sống vợ chồng trở nên căng thẳng gây mệt mỏi cho nhau. Từ năm 2015 đến nay bà P và ông S đã sống ly thân mỗi người ở một nơi không quan tâm đến nhau nữa. Nay bà P nhận thấy không còn tình cảm với ông S và không thể kéo dài cuộc hôn nhân nên bà P đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S. Ông S cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà P xin ly hôn ông cũng nhất trí ly hôn.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Đỗ Anh Quân, sinh ngày 21/9/1999. Hiện nay cháu Quân đã trên 18 tuổi, trưởng thành tự lập được vì vậy không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về con riêng, con nuôi: Vợ chồng không có con nuôi, con riêng không đề nghị Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Vợ chồng có chung một thửa đất số 82, tờ bản đồ số 17, diện tích 129,0 m², tại ngõ 306, tổ 7D, đường Trần Hưng Đạo, phường Phủ Lý, tỉnh Ninh Bình, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X898393 cấp ngày 22/09/2003 cho hộ bà Đỗ Thị P và toàn bộ tài sản trên đất với tổng giá trị đất, tài sản trên đất là: 1.107.967.286đ (Một tỷ, một trăm linh bảy triệu, chín trăm sáu mươi bảy nghìn, hai trăm tám mươi sáu đồng).

Bà P xác định toàn bộ khối tài sản trên là tài sản chung của vợ chồng. Nay vợ chồng ly hôn bà P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và bà xin nhận tài sản bằng đất để ổn định chỗ ở. Ông S đề nghị chia làm 3 phần cho ông S, bà P và cháu Quân mỗi người một phần bằng nhau. Tại phiên tòa, bà P xin rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, ông S nhất trí với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà P.

[4] Về công nợ: Bà P và ông S thống nhất không có, không đề nghị giải quyết.

* Tại phiên tòa.

- Bà P đề nghị giải quyết ly hôn với ông S và xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của vợ chồng.

- Ông S cũng nhất trí ly hôn với bà P và đồng ý với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của bà P.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 147; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51; 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị P.

- Đình chỉ việc xét xử đối với yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của vợ chồng.

- Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Đỗ Thị P và ông Hoàng Mộng S.

- Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho bà Đỗ Thị P và ông Hoàng Mộng S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Hoàng Mộng S có hộ khẩu thường trú tại số 9/306 Trần Hưng Đạo, tổ 7D, phường Phủ Lý, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án “Kiện ly hôn, chia tài sản chung” giữa bà Đỗ Thị P và ông Hoàng Mộng S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

[2] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của đương sự: Nguyên đơn bà Đỗ Thị P rút một phần yêu cầu khởi kiện về giải quyết tài sản chung. Xét thấy việc rút yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật. Tại phiên tòa, ông S nhất trí với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà P về chia tài sản chung. Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút yêu cầu của nguyên đơn và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu mà nguyên đơn đã rút yêu cầu theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa bà Đỗ Thị P và ông Hoàng Mộng S là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 08/12/1997 tại Ủy ban nhân dân phường Minh Khai, thị xã Phủ Lý, tỉnh Hà Nam (nay là phường Phủ Lý, tỉnh Ninh Bình), nên đã thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Sau kết hôn, vợ chồng ông bà có thời gian chung sống cùng nhau không nhiều, ông S công tác xa nhà thỉnh thoảng mới về, vợ chồng sống với nhau không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm sống nên không có tiếng nói chung. Mặc dù không cãi nhau to tiếng, không xảy ra xô sát nhưng tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Từ năm 2015 đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau, mỗi người ở một nơi, thời gian sống ly thân cả hai không quan tâm chăm sóc đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Thực tế cho thấy bà P xin ly hôn, ông S cũng đồng ý ly hôn càng chứng tỏ ông bà không còn tình cảm với nhau và không muốn duy trì mối quan hệ hôn nhân với nhau nữa. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa bà P và ông S là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn như nguyện vọng của bà P và ông S.

[4] Về con chung: Bà P và ông S đều thống nhất vợ chồng có một con chung

là Hoàng Đỗ Anh Quân, sinh ngày 21/9/1999. Hiện nay cháu Quân đã trên 18 tuổi, trưởng thành tự lập được, ông bà không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có. Hiện nay bà P không có thai nghén gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Tại phiên tòa, bà P có yêu cầu không đề nghị giải quyết về tài sản chung và ông S cũng nhất trí. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về công nợ: Bà P và ông S đều xác định không có công nợ chung, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản: Toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản bà Đỗ Thị P đã thanh toán toàn bộ. Tại phiên tòa, bà P tự nguyện chịu toàn bộ số tiền đã chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản. Do vậy, ông S không phải thanh toán cho bà P.

[8] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Đỗ Thị P và ông Hoàng Mộng S đều là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cần miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho bà Đỗ Thị P và ông Hoàng Mộng S.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 147; Điều 244; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 51; 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị P.

2. Đình chỉ việc xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị P về yêu cầu chia tài sản chung.

3. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Đỗ Thị P và ông Hoàng Mộng S.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho bà Đỗ Thị P và ông Hoàng Mộng S.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND khu vực 5 - Ninh Bình;
- THA dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Phủ Lý, tỉnh Ninh Bình (ĐK ngày 08/12/1997);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuyên